

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS – PT

Ngày: 25 – 3 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Các thẩm phán:

Ông Đinh Xuân Tuấn.

Ông Nguyễn Hữu Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2021/TLPT – HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 176/2021/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; Nơi ĐKKHKT: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn N, đã chết và bà Trần Thị C, sinh năm 1936; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; Có vợ là Lê Thị Kiều O, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 806 ngày 08/8/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc (cũ) quyết định áp dụng biện pháp hành chính đối với Đ đưa vào cơ sở giáo dục trong thời hạn 24 tháng. Ngày 27/7/1998 chấp hành xong.

Tại quyết định số 660 ngày 18/6/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở giáo dục đối với Đ trong thời hạn 24 tháng. Ngày 24/6/2005 chấp hành xong.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25 ngày 12/5/2015 của TAND huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt Đ 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách 16 tháng về tội Cố ý gây thương tích, án phí HSST 200.000 đồng. Đ đã nộp tiền án phí và đến ngày 12/9/2016 chấp hành xong thời gian thử thách.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến ngày 18/8/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bắt giam ngày 17/3/2022, hiện đang tạm giam có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Bùi Đức V, ông Nguyễn Bình M và ông Lê Đức M – cùng là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư V Đ – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

** Bị hại:*

Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

5. Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Đức C1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Thế C2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

8. Chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

9. Anh Đào Văn T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là Trưởng khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/4/2020, Đ cùng với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 cùng trú tại khu phố Đ đang ở chốt kiểm dịch trước cửa nhà văn hóa khu phố Đ thì Nguyễn Văn V điều

khuyến xe ô tô chở anh Đào Văn T1 đi đến chốt kiểm dịch. Đ yêu cầu anh V và anh T1 chấp hành kiểm tra thân nhiệt và giấy tờ tùy thân. Do anh T1 không có hộ khẩu, tạm trú tại địa phương nên Đ chỉ cho anh V vào khu phố mà không cho anh T1 vào. Anh V đi đến nhà anh Nguyễn Quang T (anh rể của T1) nói cho anh T biết việc chốt kiểm dịch không cho anh T1 vào khu phố. Sau đó, anh T đi ra vị trí chốt kiểm dịch gặp Đ. Hai bên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau và dùng tay, chân đánh nhau nhưng được ông T và ông H can ngăn. Anh T chạy ra xưởng gỗ gần đầu cầu nhật được một chiếc xẻng cán gỗ, lưỡi sắt, dài khoảng 1,5 mét để đánh Đ nhưng được mọi người can ngăn. Anh T cầm theo chiếc xẻng đi về nhà, vừa đi vừa chửi Đ. Do bức tức nên Đ đi theo anh T. Đi đến Nhà văn hóa khu phố Đ thì Đ lấy được 01 thanh kiếm bằng kim loại, bên ngoài có vỏ bọc bằng da. Khi Đ đi đến vị trí cách anh T khoảng 2 mét thì hai bên lao vào đánh nhau. Anh T cầm xẻng bằng hai tay vụt về phía Đ. Đ giơ tay trái lên để đỡ thì trúng 02 phát vào cổ tay, chiếc xẻng bị gãy làm đôi, phần có lưỡi xẻng rơi xuống đường. Lúc này, Đ cầm kiếm bằng tay phải chém ngang hai phát trong đó một phát trúng khuỷu tay trái anh T, một phát còn lại về phía người anh T mà sau này Đ mới biết là chém trúng bụng anh T, làm anh T bị thương tích chảy máu ở bụng và khuỷu tay trái. Sau đó, mọi người xung quanh vào can ngăn. Anh Nguyễn Văn C1 giằng được thanh kiếm của Đ và vứt xuống sông Ngũ Huyện Khê, sau đó thanh kiếm đã được cơ quan điều tra thu hồi được. Anh T được đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh, sau đó về điều trị tại Trạm y tế phường C.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 thanh kiếm có kích thước dài 60 cm, có phần lưỡi dài 46cm, chuôi gắn gỗ dài 14cm, rộng 3,5cm, phần lưỡi rộng 3cm; 01 đoạn gỗ dài 75cm, đường kính 3cm, một phần đầu bị gãy nham nhở; 01 bao da dạng bao da bọc kiếm màu nâu dài 60,5cm, phần thân bọc dài 46,5cm, rộng 5cm, dày 0,8cm; 01 chiếc xẻng dài 78,5cm, phần lưỡi bằng sắt dài 33cm, rộng 19cm, phần chuôi gỗ bị gãy không nguyên vẹn.

Về thương tích của anh T: *Tại giấy chứng nhận thương tích số: 80/KH của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh xác định anh T có những thương tích sau:* 01 vết thương mặt sau khuỷu tay trái dài 5cm, rộng 1cm, sâu thấu khớp khuỷu; Tổn thương gân cơ tam đầu bên trái; Hạn chế vận động khớp khuỷu trái; X quang không thấy hình ảnh bất thường trên phim chụp X quang tim phổi, có hình ảnh vỡ đầu dưới xương cánh tay trái; Chụp cắt lớp vi tính khớp khuỷu trái: Hình ảnh vỡ lồi cầu ngoài khớp khuỷu trái. Theo Giấy chứng nhận thương tích ngày 20/4/2020 của Trung tâm y tế phường C, anh T có thương tích 01 vết trầy xước da dưới sườn trái dài khoảng 4cm và 01 vết thương ở khuỷu tay trái đã được Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh xử lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 76/TGT ngày 21/5/2020 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh Bắc Ninh, kết luận: Phần khám giám định có thương tích: Sẹo vùng khuỷu tay trái dài 07cm, rộng 0,3cm. Sẹo dưới sườn trái dài 05cm, rộng 0,2cm. Vết thương đã được phẫu thuật cắt lọc, đặt lại mảnh xương. Kết luận: Sẹo dưới sườn trái dài 05 cm, rộng 0,2cm. Áp dụng chương 8, tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Phần I Sẹo vết thương phần mềm. Mục 1 sẹo nhỏ = 01%. Sẹo vùng khuỷu tay trái dài 07cm, rộng 0,3cm. Áp dụng chương 8, tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Phần I Sẹo vết thương phần mềm. Mục 2 sẹo trung bình. = 02%. XQ hình gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay trái. Áp dụng chương 7, tổn thương cơ thể do tổn thương Cơ – Xương – Khớp. Phần III. Cánh tay. Mục 4.1 Gãy đầu dưới xương cánh tay một bên, gãy lồi cầu ngoài. = 23%. Cơ chế là do tác động ngoại bởi vật cứng, sắc. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh Nguyễn Quang T là: 25%.

Về thương tích của Đ: Theo giấy chứng nhận thương tích ngày 10/4/2020 của Trung tâm y tế phường C, Đ có các thương tích sau: 01 vết bầm tím, xây xước da 1/3 dưới cẳng tay trái dài khoảng 7cm, rộng 1,3cm, 01 vết sưng nề 1/3 dưới ngoài cánh tay trái dài khoảng 5cm, rộng 3cm. Ngày 04/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T có quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm thương tích của Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Đ có đơn xin từ chối giám định và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự với anh T. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Đ đã có đơn đề nghị giám định. Tại Kết luận giám định số 9015/C09-TT1 ngày 25/12/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn Đ tại thời điểm giám định là 0%. Hiện tại vùng trước trên dái tai phải, dưới dái tai trái và tay trái của anh Nguyễn Văn Đ không còn dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích.

Với nội dung trên, bản án số: 176/2021/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 36 tháng tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2021, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo trình bày: Do anh T đã dùng xẻng tấn công bị cáo trước nên bị cáo cầm kiếm chém anh T với mục đích để phòng vệ; bị cáo có vi phạm pháp luật, có gây thương tích cho anh T nhưng không phạm tội “Cố ý gây thương tích”, nếu có thì phạm vào một tội khác. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không đúng tội. Mức án 36 tháng tù đã tuyên cũng không phù hợp với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Bình M bào chữa cho bị cáo: Anh T và anh Đ đã hòa giải với nhau nhưng Cơ quan điều tra vẫn khởi tố. Cả hai đều từ chối giám định nhưng vẫn áp giải anh T đi giám định là không khách quan. Cơ quan điều tra xem camera nhà anh Công nhưng không có biên bản, sau hơn sáu tháng mới có biên bản không thu thập được dữ liệu là không khách quan. Vụ án có lỗi hỗn hợp của hai bên. T cầm xẻng tấn công trước, quyết liệt dẫn đến kích động về tinh thần. Do vậy, hành vi của bị cáo là phòng vệ, án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không đúng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, áp dụng Điều 54 BLHS tuyên mức hình phạt thấp nhất của khoản 1, tuyên hình phạt cải tạo không giam giữ với bị cáo.

Luật sư Bùi Đức V bào chữa: Không đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về việc bác đơn kháng cáo của bị cáo. Sự việc không lớn, chỉ là xô sát nhỏ không ảnh hưởng đến an ninh trật tự. Camera đã xem nhưng không lập biên bản đưa vào hồ sơ, nay không lưu được là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hành vi đến đâu thì xử lý đến đó. Người đánh trước có lỗi, kích động nên bị cáo buộc phải phòng vệ.

Luật sư Lê Đức M bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi và cho rằng phạm một tội khác chứ không kêu oan như đánh giá của Viện kiểm sát. Bị cáo không có chứng cứ mới là không đúng vì tình tiết, nội dung vụ án phải căn cứ vào hồ sơ. Phòng vệ chính đáng là rất rõ vì anh T tấn công trước nên có thể là hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Viện kiểm sát đối đáp: Ở giai đoạn phúc thẩm không có chứng cứ mới để cho rằng phòng vệ chính đáng. Hành vi dùng xẻng của T đã bị gãy nhưng bị cáo vẫn dùng kiếm chém liên tiếp nên không thể là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm đã làm đúng theo trình tự, quy định

của pháp luật, vật chứng thu giữ được nhưng không thu được dữ liệu trong vật chứng, bị cáo Đ bị truy tố theo khoản 2 Điều 134 BLHS nên có rút yêu cầu khởi tố thì pháp luật cũng không cho phép chấp nhận.

Các luật sư tranh luận: Động cơ của Cơ quan điều tra là không rõ ràng. Khi xẻng bị gãy rồi vẫn dùng cán đánh tiếp. Hai gia đình thỏa thuận được nhưng vẫn cố tình khởi tố.

Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm kết luận vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại, người làm chứng được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, xét thấy những người bị hại, làm chứng đều đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo cùng lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy: Sự việc xô sát giữa Đ và T ở chốt đã được mọi người can ngăn. Khi anh T cầm xẻng đi về đến ngõ 2 khu phố Đ thì Đ cầm kiếm chạy theo. Thấy vậy, T đã cầm xẻng quay lại xông vào đánh nhau với Đ làm xẻng gãy còn Đ dùng kiếm chém vào người gây nên thương tích cho anh T. Việc này đã được chính bị cáo khai ở các bản tự khai BL149; biên bản ghi lời khai BL 153, 164, 167, 170; biên bản phiên tòa sơ thẩm BL 465-469. Phù hợp với lời khai của người bị hại tại BL 112, 118, 119 và phù hợp với lời khai của hai nhân chứng duy nhất chứng kiến khi T và Đ đánh nhau là ông Nguyễn Đức C1 BL78 và ông Nguyễn Thế C2 BL84. Việc hai người cùng cầm hung khí nguy hiểm xông vào đánh nhau nên hậu quả của mỗi người gây ra đến đâu thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự đến đó. Mặc dù trong vụ án này, anh T có gây thương tích cho Nguyễn Văn Đ nhưng Đ lại từ chối không đi giám định và có đơn xin rút yêu cầu khởi tố với T. Nếu như bị cáo Đ đi giám định có tỷ lệ thương tích dưới 11% và có yêu cầu khởi tố thì Nguyễn Quang T sẽ bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” và như vậy cả hai đều là bị cáo đồng thời là người bị hại của nhau. Vì vậy, không thể cho rằng hành vi của Nguyễn Văn Đ là phòng vệ chính đáng hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như lời nài ra của bị cáo cũng như lời bào chữa của các luật sư được.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, các luật sư bào chữa cho rằng Cơ quan điều tra không khách quan, có vi phạm nghiêm trọng về thu thập chứng cứ là không có căn cứ bởi Cơ quan điều tra đã thu thập, kiểm tra camera nhưng camera không khôi phục được dữ liệu. Hơn nữa, sự việc đánh nhau giữa T và Đ rất rõ, cả bị cáo, bị hại và hai người làm chứng đều có lời khai phù hợp nên việc không thu được dữ liệu trong camera không ảnh hưởng đến nội dung, bản chất của vụ án.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn Đ dùng kiếm nhọn chém 02 nhát gây nên thương tích cho anh T với tỷ lệ thương tật 25% sức khỏe đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Án sơ thẩm của TAND thị xã T đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và có căn cứ.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng Điều 54 BLHS xử bị cáo theo khoản 1 Điều 134 BLHS là không được chấp nhận bởi Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt 36 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là phù hợp. Mặc dù bị cáo Đ có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 BLHS nhưng xét thấy hành vi của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội; bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, năm 2015 bị cáo đã bị xét xử 08 tháng tù nhưng được hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, không thể áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt cho bị cáo được.

Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 17/3/2022 nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến ngày 18/8/2020.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để bảo đảm thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 81 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT; VKS; TAND thành phố T
- Bị cáo; đương sự (qua đường công văn);
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Minh